



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 27

Ngày 01 tháng 7 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 14-6-2013 - Chỉ thị số 09/2013/CT-UBND về kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

- 07-6-2013 - Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND về bãi bỏ văn bản. 7

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 07-6-2013 - Quyết định số 2979/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015. 10

Trang

- 07-6-2013 - Quyết định số 2986/QĐ-UBND về việc thành lập Phòng Quản lý Dự án thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. 34
- 17-6-2013 - Quyết định số 3194/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015. 37
- 18-6-2013 - Quyết định số 3211/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. 60

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2013/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2013

CHỈ THỊ

**Về kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động tổ chức pháp chế
các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước
thuộc Ủy ban nhân dân thành phố**

Ngày 07 tháng 6 năm 2007, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2496/QĐ-UBND phê duyệt Đề án xây dựng và kiện toàn tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (Đề án 2496). Qua 5 năm triển khai thực hiện, một số Sở - ngành, doanh nghiệp Nhà nước đã thành lập Phòng Pháp chế, chất lượng công tác liên quan đến hoạt động pháp chế từng bước được nâng lên, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy và việc phân công giao việc cho cán bộ pháp chế tại một số đơn vị chưa phù hợp yêu cầu nhiệm vụ, cán bộ chưa phát huy năng lực, kỹ năng nghiệp vụ pháp chế, việc tham gia tố tụng, tư vấn pháp lý còn hạn chế.

Thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (Nghị định số 55/2011/NĐ-CP); đồng thời, kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực hoạt động của tổ chức pháp chế trên địa bàn thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

1. Sở Tư pháp:

Sở Tư pháp là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về công tác pháp chế trên địa bàn thành phố, thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức rà soát các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trước đây nhưng nay không còn phù hợp với Nghị định số 55/2011/NĐ-CP của Chính phủ; kịp thời phát hiện và báo cáo đề xuất Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ;

b) Chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan phổ biến, quán triệt những nội dung cơ bản của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhằm nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa, vai trò của công tác pháp chế trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước nói riêng và quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung;

c) Hàng năm, chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế cho cán bộ pháp chế của các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện kiểm tra về tổ chức, hoạt động của tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

đ) Hướng dẫn, tổng hợp và báo cáo về công tác pháp chế theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Tư pháp và các cơ quan có thẩm quyền.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày ban hành Chi thị này, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố được quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP chưa tổ chức thành lập Phòng Pháp chế cần xây dựng Đề án thành lập Phòng Pháp chế, bao gồm: Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Y tế;

b) Các cơ quan chuyên môn đã thành lập Phòng Pháp chế tiếp tục củng cố, kiện toàn về tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác pháp chế, đảm bảo về tiêu chuẩn chuyên môn. Các cơ quan chuyên môn không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP căn cứ yêu cầu công tác pháp chế tại cơ quan, đơn vị, chủ động phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc thành lập Phòng Pháp chế;

c) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, điều chuyển, phân công hợp lý, xây dựng quy chế hoạt động của Phòng Pháp chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều 2 và Điều 6 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP;

d) Việc tuyển dụng, bố trí nhân sự làm công tác pháp chế phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP; phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ có kế hoạch cử cán bộ đi đào tạo trình độ cử nhân luật. Đến tháng 8 năm 2016 (thời gian 05 năm sau khi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP có hiệu lực) có 100% cán bộ làm công tác pháp chế ở các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố có trình độ cử nhân luật;

đ) Nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức pháp chế đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác chuyên môn sâu của từng ngành, lĩnh vực; tạo điều kiện cử những người đang làm công tác pháp chế chưa có trình độ cử nhân luật tham gia chương trình đào tạo về pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế do Bộ Tư pháp tổ chức theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

3. Thủ trưởng các doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Thủ trưởng các doanh nghiệp nhà nước căn cứ vào nhu cầu công tác pháp chế của doanh nghiệp để thành lập tổ chức pháp chế hoặc quyết định việc bố trí nhân viên pháp chế chuyên trách;

b) Xây dựng, củng cố tổ chức pháp chế và bảo đảm kinh phí, tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động của tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước; có thể vận dụng tiêu chuẩn, chế độ của công chức, cán bộ và viên chức pháp chế quy định tại Điều 12 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP để chọn, bố trí đủ nhân viên pháp chế, sử dụng và quyết định chế độ đối với nhân viên pháp chế;

c) Chỉ đạo, kiểm tra và thực hiện báo cáo về công tác pháp chế ở doanh nghiệp theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố đồng thời gửi Sở Tư pháp tổng hợp.

4. Sở Nội vụ:

a) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố Đề án thành lập Phòng Pháp chế để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập, củng cố tổ chức, bố trí biên chế cho các tổ chức pháp chế đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

5. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn các Sở - ban - ngành thành phố dự toán kinh phí hàng năm cho hoạt động pháp chế theo quy định;

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tham mưu triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về phụ cấp ưu đãi theo nghề cho những người làm công tác pháp chế theo quy định.

6. Các Ban quản lý thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Căn cứ vào nhu cầu công tác pháp chế tại đơn vị để quyết định việc thành lập Phòng Pháp chế hoặc bổ sung, tăng cường thêm cán bộ làm công tác pháp chế;

b) Việc phân công, bố trí cán bộ phải đảm bảo tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ của người làm công tác pháp chế theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

7. Tổ chức thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, các Ban quản lý thuộc Ủy ban nhân dân và các cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung chỉ đạo, tổ chức và phối hợp thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này;

b) Các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước, Ban quản lý thuộc Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo kết quả công tác pháp chế theo định kỳ hàng năm trước ngày 05 tháng 10 (tính từ ngày 01 tháng 10 của năm trước đến ngày 30 tháng 9 của năm sau) hoặc báo cáo đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố (đồng gửi 01 bản cho Sở Tư pháp).

c) Giao Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị, kịp thời phản ánh, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết những khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2013/QĐ-UBND

*Quận 5, ngày 07 tháng 6 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH**
Về bãi bỏ văn bản**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận 5 tại Tờ trình số 474/TTr-TP ngày 03 tháng 6 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 03 văn bản do Ủy ban nhân dân quận 5 ban hành (theo Danh mục đính kèm) không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 5, Thủ trưởng các phòng, ban,

đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thị Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN BỊ BỎ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 5)*

STT	Tên văn bản	Số, ký hiệu	Ngày tháng năm ban hành	Trích yếu nội dung
1	Chỉ thị	11/CT-UB	19/10/1995	V/v đẩy mạnh công tác chống tham nhũng trên địa bàn quận 5.
2	Quyết định	6203/2001/QĐ-UB	03/7/2001	V/v ban hành quy chế tạm thời về hoạt động của Khu dân cư văn hóa - Khu dân cư xuất sắc trên địa bàn quận 5.
3	Quyết định	29/2007/QĐ-UBND	14/12/2007	Về thành lập và ban hành Quy chế Thanh tra Xây dựng quận 5 và Thanh tra Xây dựng 15 phường

Tổng cộng: 03 văn bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Thảo

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2979/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ
giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 14/TTr-BQL, ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 – 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 365/TB-TCT-PTNT ngày 22 tháng 11 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 859/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 17 tháng 5 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015 (theo nội dung đề án đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành

phổ phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ giai đoạn 2013 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2979/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ TAM THÔN HIỆP, HUYỆN CẦN GIỜ

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên

Tam Thôn Hiệp là một trong bốn xã phía bắc huyện Cần Giờ cách trung tâm huyện khoảng 15 km tính theo đường chim bay và cách trung tâm thành phố khoảng 30 km; có tọa độ địa lý: 10⁰22'14'' - 10⁰40'00'' vĩ độ bắc; 106⁰46'12'' - 107⁰00'50'' kinh độ đông. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 11.038,39 ha, chiếm 15,68% diện tích tự nhiên của huyện. Ranh giới xã được xác định như sau:

Phía Đông giáp huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

Phía Tây giáp xã An Thới Đông huyện Cần Giờ;

Phía Nam giáp xã Long Hòa huyện Cần Giờ;

Phía Bắc giáp xã Bình Khánh huyện Cần Giờ.

Tổng diện tích tự nhiên của xã Tam Thôn Hiệp là 11.038,39 ha. Trong đó: đất nông nghiệp là 8.534,75 ha, chiếm 77,32% diện tích đất của xã (trong đó: diện tích trồng cây hàng năm là 131,48 ha; diện tích cây lâu năm 261,32 ha, đất rừng phòng hộ 7.926,67 ha và 208,8 ha đất nuôi trồng thủy sản), đất phi nông nghiệp là 2.495,57 ha, chiếm 22,61% diện tích đất của xã.

2. Dân số

Toàn xã có 5.596 nhân khẩu (trong đó, nam: 2.865 người, chiếm 51,19%; nữ: 2.731 người, chiếm 48,81%); toàn xã có 1.445 hộ gia đình.

3. Lao động: Số người trong độ tuổi lao động là 3.497 người, chiếm tỷ lệ 62,5% dân số toàn xã; số người dưới và ngoài độ tuổi lao động là 2.099 người, chiếm tỷ lệ 37,5% dân số toàn xã. Lao động chủ yếu tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp (sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp) chiếm 63%, còn lại lao động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, sinh viên, học sinh, công chức, viên chức...

II. HIỆN TRẠNG VỀ HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch

Hiện nay, xã Tam Thôn Hiệp chưa được phê duyệt quy hoạch sử dụng đất.

Dự kiến đến năm 2015, trên địa bàn xã Tam Thôn Hiệp sẽ quy hoạch các điểm dân cư mới và chỉnh trang khu dân cư hiện hữu trên diện tích khoảng 201,33 ha, bao gồm: Khu dân cư An Hòa, khu dân cư An Phước, khu dân cư An Lộc và khu dân cư Trần Hưng Đạo, quy hoạch đất dành cho công viên để phát triển ngành nghề du lịch.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

Hiện tại trên địa bàn xã có 47 tuyến đường giao thông, với tổng chiều dài 53,604 km, trong đó:

+ Đường trục xã, liên xã: 4 km, đang được nhựa hóa;

+ Đường liên ấp: có 8 tuyến với 7,5 km, bê tông hóa và cứng hóa 4,9/7,5 km;

+ Đường ngõ xóm: có 23 tuyến với 26,102 km, đã được cứng hóa 23,522/26,102 km; (còn 2 tuyến với chiều dài 2,580 km cần sửa chữa và lát đan bê tông).

+ Đường giao thông nội đồng: 11 tuyến với 16,002 km, xe cơ giới đi lại thuận lợi 9,672/16,002 km (còn 4 tuyến với chiều dài 6,330 km đường chưa xây dựng và hư hỏng xuống cấp).

+ Đường thủy: có 1 cầu đò, với tổng chiều dài 20 m.

b) Kênh rạch (Thủy lợi - phòng chống lụt bão)

Hiện nay trên địa bàn xã Tam Thôn Hiệp đã được đầu tư và đưa vào sử dụng 13 công trình thủy lợi, trong đó có 11 tuyến kênh với chiều dài 15 km, 13 tuyến đê nội đồng chiều dài trên 15 km, 9 hệ thống cống và 6 cầu giao thông nông thôn.

c) Điện

Hệ thống điện hạ thế dài 20.645 km, chủ yếu chạy dọc theo các trục đường chính, các tuyến đường trục xã, liên ấp và một số tuyến đường nội đồng phục vụ cho

sản xuất và nuôi trồng thủy sản; ở các khu dân cư tập trung đều có hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.

Xã có 98% hộ dân đang sử dụng điện quốc gia đã có đồng hồ riêng.

d) Trường học

Tổng số trường học của xã là 3 trường.

+ Trường Mẫu giáo Tam Thôn Hiệp: Gồm 1 điểm chính và 1 điểm phụ với 8 lớp, 214 trẻ và 11 giáo viên.

- Diện tích đất: 5.731 m².

- Diện tích sân chơi, bãi tập: 150 m².

+ Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp: Gồm 18 lớp, 553 học sinh, 24 giáo viên.

- Diện tích đất: 9.125 m².

- Diện tích sân chơi, bãi tập: 3.024 m².

+ Trường Trung học cơ sở Tam Thôn Hiệp: Gồm 12 lớp, 381 học sinh, 29 giáo viên.

- Diện tích đất: 18.129 m².

- Diện tích sân chơi, bãi tập: 2.486 m².

đ) Cơ sở vật chất, văn hoá

+ Trung tâm văn hóa thể thao xã: có 1 trung tâm văn hóa thể thao.

+ Văn phòng ấp kết hợp với tụ điểm văn hóa:

Xã có 4 ấp, đến nay chỉ có 2/4 ấp có Văn phòng ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa, còn 2 ấp chưa có Văn phòng ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa, xã có 1 sân bóng đá là sân chơi chủ yếu cho thanh thiếu niên và Công viên Trần Hưng Đạo, 1 khu thể thao xã chưa đạt chuẩn theo quy định.

e) Chợ

Trên địa bàn xã hiện có 1 chợ, với khoảng 23 tiểu thương buôn bán cố định các mặt hàng chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân. Đây cũng là nơi dân cư tập trung buôn bán, trao đổi hàng hóa sinh hoạt hàng ngày, số lượng buôn bán này không ổn định.

g) Bưu chính - viễn thông

Xã có 1 bưu điện văn hóa tại ấp An Lộc phục vụ nhu cầu cho người dân trên địa bàn xã và có đường truyền Internet đến các ấp, tuy nhiên hệ thống thông tin liên lạc, trang thiết bị còn hạn chế.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

Toàn xã có tổng số nhà ở là 1.417 căn, trong đó nhà ở đạt chuẩn khoảng 1.113 căn, chiếm tỷ lệ 78,55%; nhà ở chưa đạt chuẩn là 232 căn, chiếm tỷ lệ 16,37%, nhà ở tạm bợ, dột nát còn khoảng 72 căn, chiếm tỷ lệ 5,08%, hiện nay đang được các cấp chính quyền vận động hỗ trợ xây dựng, sửa chữa.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2010 - 2015, cơ cấu kinh tế của xã là **nông nghiệp (39%); công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (38%); thương mại, Dịch vụ (23%)**. Tuy nhiên, theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã, đến năm 2015 trong giai đoạn 2012 - 2015 ngành dịch vụ thương mại sẽ chiếm tỷ trọng cao hơn trong cơ cấu kinh tế toàn xã.

- Thu nhập bình quân đầu người: 15 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm): là 584/1.445 hộ, chiếm 40,41% tổng số hộ toàn xã.

b) Lao động - việc làm:

- Số lao động trong độ tuổi : là 3.497 người, chiếm 62,5% dân số toàn xã. Trong đó có 73,2% (2.560/3.497) có việc làm

- Lao động phân theo kiến thức phổ thông như sau: bậc tiểu học chiếm 62% chủ yếu ở tuổi 45 - 60; Bậc trung học cơ sở chiếm 22,37%; Bậc trung học phổ thông: chiếm 15,63 %;

- Cơ cấu lao động ngành nông nghiệp chiếm 63%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm 37%.

c) Hình thức tổ chức sản xuất

- Số doanh nghiệp: Địa bàn xã có 03 doanh nghiệp, cơ sở chế biến, sản xuất kinh doanh trên địa bàn chủ yếu thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

- Kinh tế trang trại: 27 trang trại chủ yếu tập trung ở lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, nuôi chim yến lấy tổ.

- Kinh tế tập thể: hiện xã đã thành lập hợp tác xã nông nghiệp nhưng hoạt động hiệu quả chưa cao.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Văn hóa

Tam Thôn Hiệp được chia thành 4 ấp, đến năm 2010 có 4/4 ấp được công nhận và giữ vững ấp văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đạt tỷ lệ 100%; riêng xã được huyện ghi nhận là xã văn hóa năm thứ nhất là năm 2010; số hộ được công nhận là hộ gia đình văn hóa là 1.300 hộ, đạt tỷ lệ 89,97%. Phấn đấu năm 2013 xã được thành phố công nhận xã văn hóa cấp thành phố.

b) Giáo dục

+ Phổ cập giáo dục trung học: xã đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học tỷ lệ 74,02% (Đạt chuẩn thành phố).

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 96,47% (Đạt chuẩn thành phố).

+ Tỷ lệ lao động nông thôn trong độ tuổi có qua đào tạo nghề đạt 20%.

c) Y tế

Hiện xã có 1 trạm y tế với số lượng cán bộ là 8 người trong đó có 1 bác sĩ, 2 y sĩ, 2 y tá, 1 dược tá trung cấp và 2 hộ sinh phục vụ cho người dân.

Tỷ lệ người dân đăng ký tham gia bảo hiểm y tế: 2.852 người (chiếm tỷ lệ 51,1%).

d) Môi trường

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: có 95% (1.361 hộ) sử dụng nước máy, nguồn cung cấp nước chính là vận chuyển bằng xà lan từ nhà máy nước sạch Cần Giờ thông qua các vệ tinh cấp nước cho các ấp An Lộc, An Phước và Ấp An Hòa, riêng khu dân cư ấp Trần Hưng Đạo được hòa mạng trực tiếp với nhà máy nước sạch Cần Giờ.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 95%.

- Xử lý chất thải: toàn xã có 85% số hộ có đăng ký thu gom rác, 15% còn lại tự tiêu huỷ theo hình thức chôn hoặc đốt tại nhà hoặc nhà ở những nơi không có phương tiện thu gom rác.

- Hiện nay trên địa bàn xã có tổng số 11 doanh nghiệp: Trong đó có 3 doanh nghiệp đóng tàu composit hiện nay dừng hoạt động, đều có hệ thống xử lý chất thải và cam kết bảo vệ môi trường; 1 Công ty cổ phần sản xuất nước sinh hoạt có hệ thống xử lý chất thải và cam kết bảo vệ môi trường; 2 doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc đá quý, 2 doanh nghiệp xây dựng; 1 doanh nghiệp thu mua hải sản; 2 doanh nghiệp du lịch nhà vườn (từ khi thành lập đến nay không hoạt động).

- Về nghĩa trang: xã có 1 nghĩa trang nhân dân Trần Hưng Đạo.

5. Hệ thống chính trị - an ninh trật tự xã hội

a) Hệ thống chính trị của xã

Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã được giao năm 2012 là 43 người: 23 cán bộ và công chức, 20 cán bộ không chuyên trách. Số lượng hiện có tính đến tháng 12 năm 2012 là 10 cán bộ, 10 công chức, 20 cán bộ không chuyên trách.

Hiện nay, Đảng bộ xã có 10 chi bộ trực thuộc (4 chi bộ ấp, 3 chi bộ trường học, 1 chi bộ cơ quan, 1 chi bộ quân sự và 1 chi bộ công an), với tổng số đảng viên của xã là 93 đảng viên (trong đó: 74 đảng viên công tác trong hệ thống chính trị xã, 4 đảng viên hưu trí và 15 đảng viên nghề nghiệp khác). Nhìn chung, chất lượng sinh hoạt của Ban chấp hành Đảng bộ xã từng bước được nâng cao, qua kết quả đánh giá tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên năm 2011 xã có 9/9 chi bộ Đảng đạt “trong sạch, vững mạnh”.

b) Tình hình trật tự xã hội an ninh trên địa bàn

Nhìn chung, trong những năm qua tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững và ổn định.

Xây dựng và duy trì tốt “Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, ý thức cảnh giác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong nhân dân, cán bộ, công chức ngày càng nâng cao. Các ban, ngành, đoàn thể phối hợp với Công an xã thực hiện Nghị quyết liên tịch có hiệu quả.

Lực lượng công an xã từng bước được củng cố, được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng khả năng yêu cầu giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã trong tình hình mới.

6. Các chương trình, dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã

- Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Tam Thôn Hiệp, giai đoạn 2010 - 2015;

- Chương trình xây dựng xã văn hóa giai đoạn 2010 - 2012;
- Vay vốn có hỗ trợ lãi suất theo Chương trình 36; Chương trình hỗ trợ vốn vay “Cây mùa xuân”; Chương trình 156.
- Chương trình xây dựng nhà vệ sinh tự hoại; lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời cho các hộ giữ rừng phòng hộ; chương trình điện kế, thủy kế cũng được triển khai có hiệu quả.
- Các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp phục vụ chương trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ TAM THÔN HIỆP ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

Xây dựng xã Tam Thôn Hiệp trở thành xã nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; Cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức hợp lý gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái; Xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; Môi trường sinh thái được bảo vệ; An ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày một nâng cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng xã Tam Thôn Hiệp trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: đạt 4/19 tiêu chí (1, 8, 16, 19).
- Năm 2013: phần đầu đạt 10/19 tiêu chí (thêm 6 tiêu chí: 4, 6, 7, 13, 15, 17).
- Năm 2014: phần đầu đạt 16/19 tiêu chí (đạt thêm 6 tiêu chí 3, 5, 9, 12, 14, 18).
- Năm 2015: phần đầu đạt 19/19 tiêu chí (đạt thêm 3 tiêu chí 2, 10, 11).

*** Những chỉ tiêu cụ thể:**

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, quy hoạch khu dân cư.
- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.
- Nâng cấp và cải tạo các tuyến kênh mương nội đồng đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất của người dân.
- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.
- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.
- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng từ 1,5 đến 1,8 lần so với mức khởi điểm xuất phát năm 2012 (15 triệu đồng/người/năm).
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm xuống dưới 2%.
- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 100% số ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt > 90%.
- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường 95%.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Trong đó, tỷ lệ cán bộ xã đạt chuẩn là 100%; hoạt động của Đảng bộ, chính quyền và tổ chức đoàn thể chính trị đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh và từ tiên tiến trở lên. An ninh trật tự xã hội luôn được giữ vững.

3. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ**1. Công tác quy hoạch**

* Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 1 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

* Nội dung thực hiện:

Xây dựng quy hoạch chi tiết phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường, quy hoạch khu dân cư nông thôn đến năm 2015.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

a) Giao thông

* Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

* Nội dung thực hiện:

- Sửa chữa, xây dựng mới 8,910 km các tuyến đường ngõ, xóm; giao thông nội đồng đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản gồm (giao thông nội đồng 4 tuyến với tổng chiều dài 6,330 km và đường ngõ, xóm là 2 tuyến với tổng chiều dài là 2,580 km).

- Đường giao thông ngõ, xóm:

+ Nâng cấp lát đan bê tông xi măng, thoát nước đường khu dân cư các ấp An lộc và Trần Hưng Đạo: quy mô lát đan bê tông cốt thép rộng 3,5 m; nền đường 6m; dày 10cm; dài L = 0,38 km.

+ Sửa chữa, cấp phối đá dăm đường tổ 38 Trần Hưng Đạo.

- Đường giao thông nội đồng:

+ Xây dựng mới đường từ cầu N5 đến đường đê ấp An Hòa.

+ Xây dựng mới đường từ đường đê ấp An Hòa vào khu vực đất sản xuất.

+ Sửa chữa, cấp phối đá dăm đường đê ấp An Hòa.

+ Sửa chữa, cấp phối đá dăm đường đê N1 đến đường đê ấp An Hòa.

- Cầu giao thông:

+ Xây dựng mới 01 cầu giao thông đê An Hòa.

b) Kênh, rạch (Công trình phòng chống lụt bão)

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

- Nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới:

+ Nạo vét, cải tạo công trình thủy lợi kênh N1 ấp An Lộc.

+ Xây dựng kè đá khan chống sạt lở khu dân cư tổ 40 ấp Trần Hưng Đạo.

+ Xây dựng bờ kè chống sạt lở (kiên cố) bê tông cốt thép khu dân cư ấp An Lộc.

c) Điện

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

- Hạ thế điện phục vụ các khu vực sản xuất gồm: Đường đê Tổ hợp tác và đường đê An Hòa.

- Cải tạo, di dời 58 cột điện nằm trên lòng đường bê tông xi măng gây cản trở giao thông Khu dân cư ấp An Hòa, An Phước, An Lộc và ấp Trần Hưng Đạo.

- Gắn đồng hồ điện riêng sử dụng từ lưới điện quốc gia cho những hộ chưa có.

d) Trường học

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

- Đối với Trường mầm non xã Tam Thôn Hiệp: Xây mới 10 nhóm lớp; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các phòng chức năng, trang cấp thiết bị, nâng cấp sửa chữa 2 nhóm lớp lẻ.

- Đối với trường Tiểu học xã Tam Thôn Hiệp: Phá vỡ 11 phòng học cũ xuống cấp, hư hỏng nặng không sử dụng được, xây mới 12 phòng học đạt chuẩn quốc gia; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các khối hiện hữu thành các phòng chức năng đạt chuẩn; các trang thiết bị.

đ) Trạm Y tế

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã đạt chuẩn: Thay (tole) mái nhà trạm y tế, lát gạch men các phòng làm việc, nâng cấp sân khuôn viên, sửa chữa tường rào, xây dựng hệ thống thoát nước; xây mới phòng tiêm chủng và nhà kho chứa dụng cụ y tế.

e) Cơ sở vật chất văn hóa

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

Tỷ lệ ấp có Văn phòng Ban nhân dân ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2015 là 100%.

- Đầu tư xây dựng mới và sửa chữa công trình, bao gồm:

+ Xây dựng mới Văn phòng Ban nhân dân ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp An Phước;

+ Xây dựng mới Văn phòng Ban nhân dân ấp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Trần Hưng Đạo;

+ Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, trồng cây xanh công viên ấp Trần Hưng Đạo xã Tam Thôn Hiệp.

+ Cải tạo khuôn viên Trung tâm văn hóa và thể thao xã, đầu tư 2 sân bi sắt, đầu tư trang thiết bị vui chơi cho trẻ em nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân.

g) Chợ nông thôn

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

* Nội dung: hình thành nơi kinh doanh các mặt hàng chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân; xây dựng và phát triển kinh doanh các mặt hàng đặc trưng của địa phương (sản phẩm nông nghiệp) đồng thời có các hoạt động văn hóa khác, có mục đích quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của xã và thu hút khách du lịch. Xây dựng mới một cửa hàng văn minh tiện ích.

h) Bưu chính - viễn thông

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung thực hiện: nâng cấp, cải tạo Bưu điện xã.

i) Nhà ở dân cư nông thôn

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới và theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

* Nội dung thực hiện:

Hỗ trợ xóa 72 căn nhà tạm, dột nát.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất

a) Phương hướng phát triển các ngành sản xuất nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập người dân

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới đến năm 2015.

* Nội dung:

Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng từ 1,5 đến 1,8 so với khi xây dựng đề án.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): dưới 2%.

Phấn đấu đào tạo nghề cho lao động đạt trên 70% tổng số lao động trên địa bàn xã, trong đó có 40% là lao động nữ.

+ Xây dựng các mô hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề;

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp có tính bền vững đảm bảo an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường và mang lại hiệu quả cao, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Chủ yếu là nuôi tôm, một số mô hình mới như cá dứa, vọp, cua, diện tích 80 ha.

- Đầu tư xây dựng các trang trại sinh thái kết hợp du lịch (V-A-D).

- Triển khai nhân rộng mô hình nuôi chim yến lấy tổ, kết hợp chế biến giới thiệu sản phẩm cho khách du lịch.

- Duy trì tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, đóng tàu thuyền, sửa chữa cơ khí (máy móc) phục vụ nuôi trồng thủy sản và sản xuất.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ, duy trì các cơ sở may gia công giày da, kết hạt cườm, đan lưới nhằm giải quyết lao động tại địa phương.

- Nuôi heo công nghiệp.

+ Phát triển các ngành nghề nông thôn: Thực hiện các chương trình dạy nghề cho người dân xã Tam Thôn Hiệp như nuôi trồng thủy sản, các ngành nghề nông thôn khác (mộc, cơ khí, nấu ăn, may, đan...) phù hợp với lao động lớn tuổi hiện nay tại địa phương.

* Các chính sách hỗ trợ:

- Xây dựng mô hình điem để nhân rộng, tuyên truyền căn cứ theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về khuyến nông.

- Xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm: thông qua việc cung cấp thông tin về chủ trương chính sách và tình hình sản xuất các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh của xã; Giá cả buôn - bán lẻ các sản phẩm chủ yếu tại địa phương, các vùng lân cận trên địa bàn. Tư vấn xuất khẩu; Hỗ trợ việc tham quan hội chợ triển lãm hàng, quảng bá thương hiệu; Thành lập trang Website để giao dịch qua mạng.

- Lồng ghép các chương trình hoạt động hỗ trợ từ các đoàn thể, hội của Thành phố.

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

* Nội dung:

- Thực hiện Nghị quyết Đại Hội đại biểu Đảng bộ huyện Cần Giờ phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn dưới 2%.

- Thực hiện các chương trình an sinh xã hội:

+ Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà tạm cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...

+ Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

* Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện, các trường lân cận và các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

- Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

d) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

- Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

- Bồi dưỡng, đào tạo: tổ trưởng, tổ phó tổ hợp tác nhằm nâng cao về năng lực quản lý.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo, trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính,...).

- Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế tổ hợp tác thông qua:

+ Hỗ trợ điều kiện sản xuất như kho chứa, nhà sơ chế - bảo quản, công nghệ, thực hiện chế biến nông sản...

+ Hỗ trợ kỹ thuật: tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

+ Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại.

+ Tổ chức tham quan học tập mô hình liên kết sản xuất đáp ứng tốt dịch vụ cho các hộ xã viên trong và ngoài thành phố.

4. Văn hoá xã hội và môi trường

a) Giáo dục

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

- Tăng cường công tác huy động học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học Trung học phổ thông theo 2 hệ (phổ thông, bổ túc).

- Đầu tư nâng cấp trung tâm học tập cộng đồng xã - phối hợp với các Trung tâm dạy nghề đào tạo nguồn lao động có tay nghề.

- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã phối hợp với các đoàn thể vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học giành cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

b) Y tế

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

* Nội dung:

- Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng; công tác dân số gia đình và trẻ em luôn được quan tâm chú trọng. Thực hiện tốt công tác khám, điều trị và phòng, chống các dịch bệnh.

- Kết hợp Trung tâm Y tế dự phòng huyện tổ chức tiêm ngừa vaccin, uống vitamin A cho trẻ và khám phụ khoa cho phụ nữ trong độ tuổi sinh sản đạt kế hoạch giao.

- Tổ chức truyền thông lồng ghép, tuyên truyền vận động các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện các biện pháp tránh thai.

c) Xây dựng đời sống văn hoá phong phú lành mạnh

* Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

- Bổ sung các quy ước về nếp sống văn hoá. Xây dựng chuẩn gia đình văn hóa, các ấp văn hóa, tổ dân phố văn hóa theo Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin về việc ban hành Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

- Thí điểm xã hội hóa Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao, tụ điểm văn hóa tại các ấp trên cơ sở chọn lọc những loại hình phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông tin địa phương.

- Tổ chức tốt các lễ hội cách mạng, dân gian, văn hóa - lịch sử truyền thống và các ngày lễ, hội văn hóa trên địa bàn xã. Xây dựng và phát triển phong trào thể dục thể thao, phong trào văn nghệ quần chúng, đờn ca tài tử, hát với nhau ở xã, ấp.

- Xây dựng đời sống văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phòng, chống tệ nạn xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở ở xã.

- Xây dựng quy ước ấp (hương ước) về nếp sống văn hoá nông thôn: (tập trung vào việc cưới, tang, chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội); giữ gìn vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường; xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

d) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

+ Trồng cây xanh các tuyến đường, trường học, cơ quan, y tế... vận động dân tham gia các hội thi Môi trường xanh của Sở, thành phố (Môi trường xanh, Chủ nhật xanh...).

+ Vận động người dân thực hiện chôn cất đúng theo quy định tại các nghĩa trang, không tự tiện chôn cất tại đất nhà.

+ Xây dựng, cải tạo hệ thống tiêu thoát nước thải, nơi đổ rác chung cho cộng đồng; hệ thống cấp nước sinh hoạt, vận động nhân dân và các hội viên các đoàn thể triển khai thực hiện phân loại và đăng ký bỏ rác đúng nơi quy định, chôn lấp rác tại nhà theo các biện pháp của ngành y tế và môi trường hướng dẫn...

+ Chuyên các trại chăn nuôi tập trung, cơ sở ngành nghề gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư; khuyến khích xây dựng hầm biogas, mỗi ấp có 1 tổ chức thu gom, xử lý rác thải tại khu tập trung.

đ) Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội:

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

- Nội dung 1: Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới;

- Nội dung 2: Thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã;

- Nội dung 3: Hoàn thiện bộ máy chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Rà soát, xác định rõ vai trò của mỗi tổ chức trong xây dựng nông thôn mới; đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng. Tiếp tục đổi mới thiết chế dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn.

e) An ninh chính trị và trật tự xã hội

* Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

* Nội dung:

- Nội dung 1: Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tại cơ sở. Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung 2: Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, ấp, tổ hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ, dự kiến: 296.552 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 228.052 triệu đồng (chiếm 76,9%).
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 68.500 triệu đồng (chiếm 23,1%).

B. Nguồn vốn:

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 237.142 triệu đồng, chiếm 79,97%; trong đó:
 - + Vốn Nông thôn mới: 156.542 triệu đồng, chiếm 52,79%.
 - + Vốn lồng ghép: 80.600 triệu đồng, chiếm 27,18%; chia ra:
 - * Vốn ngân sách tập trung: 61.900 triệu đồng (đã có chủ trương và Quyết định đầu tư của cấp thẩm quyền);
 - * Vốn phân cấp huyện: 1.200 triệu đồng;
 - * Vốn sự nghiệp: 17.500 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).
2. Vốn cộng đồng đóng góp: 41.810 triệu đồng, chiếm 14,1 %; trong đó:
 - + Vốn dân: 22.340 triệu đồng;
 - + Vốn doanh nghiệp: 19.470 triệu đồng;
3. Vốn vay tín dụng: 17.600 triệu đồng, chiếm 5,93%.
 - * Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Qui mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2020.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, đảng viên, cán bộ công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp xây

dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Cần Giờ và xã Tam Thôn Hiệp; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Tam Thôn Hiệp.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tam Thôn Hiệp, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Tam Thôn Hiệp.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới

thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2986/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Phòng Quản lý Dự án
thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông báo số 31-TB/BCSD ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập phòng Quản lý Dự án trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố ngày 04 tháng 3 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Phòng Quản lý Dự án thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Phòng Quản lý Dự án có chức năng tham mưu, đề xuất lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố để chỉ đạo điều hành, quản lý Nhà nước theo quy định pháp luật trên lĩnh vực quản lý chương trình, dự án ODA; chương trình, dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài - NGO (trừ viện trợ phi dự án và cứu trợ khẩn cấp); dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO) và Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT); dự án đầu tư theo hình thức đối tác Công - Tư (PPP); các dự án và công việc khác được phân công theo chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố, lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến lĩnh vực được phân công quản lý.

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Thẩm tra về trình tự, thủ tục chuẩn bị, triển khai thực hiện và tham mưu tổng hợp về nội dung, có ý kiến đánh giá độc lập đối với các chương trình, dự án; biên tập và chỉnh sửa các văn bản quản lý thuộc lĩnh vực được phân công và chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố, lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và phối hợp với các Sở - ngành, quận - huyện trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định và các nội dung, tiến độ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Chuẩn bị nội dung, tài liệu và thư mời các cuộc họp, các buổi làm việc hoặc đi cơ sở của Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực được phân công, dự thảo thông báo kết luận, các văn bản chỉ đạo kịp thời theo đúng nội dung kết luận tại cuộc họp theo quy định.

4. Theo dõi tình hình và kịp thời thông tin, phản ánh, tham mưu đề xuất với Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố và lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động của các đơn vị liên quan đến lĩnh vực được phân công quản lý.

5. Tổng hợp báo cáo và đề xuất các chủ trương, chính sách về huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA), viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (NGO) và các hình thức đầu tư BOT, BTO, BT, PPP; tổng hợp, tham mưu, kiến nghị xử lý các vấn đề liên quan quy định pháp luật thuộc lĩnh vực được phân công.

6. Cùng tham gia vận động, tiếp xúc với các nhà tài trợ; tổng hợp, tham mưu trình đề xuất danh mục chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA), viện trợ phi Chính phủ nước ngoài; danh mục các dự án kêu gọi đầu tư theo các hình thức BOT, BTO, BT và PPP trên địa bàn thành phố.

7. Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện và tham mưu đề xuất giải quyết các khó khăn vướng mắc có liên quan đến các chương trình, dự án ODA, viện trợ phi Chính phủ (NGO) nước ngoài, các dự án đầu tư theo các hình thức BOT, BTO, BT, PPP.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công và chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố, lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Phòng Quản lý Dự án gồm có Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

2. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về toàn bộ hoạt động của Phòng.

3. Biên chế của Phòng Quản lý Dự án được Ủy ban nhân dân thành phố giao chung trong tổng biên chế hành chính hàng năm của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3194/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn
giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 216/TB-TCT ngày 21 tháng 8 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 924/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 27 tháng 5 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và

các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3194/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ ĐÔNG THẠNH, HUYỆN HÓC MÔN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Đông Thạnh nằm ở phía Đông Bắc huyện Hóc Môn, phía Tây Bắc Thành phố Hồ Chí Minh, có điều kiện tiểu vùng sinh thái đặc trưng hệ sinh thái nông nghiệp vùng Đông Nam Bộ.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp với xã Bình Mỹ, huyện Hóc Môn;
- Phía Đông giáp với xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn;
- Phía Tây giáp với xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn;
- Phía Nam giáp với phường: Thới An, Thạnh Xuân, Hiệp Thành, quận 12.

Diện tích tự nhiên: 1.282,9 ha, chiếm 11,75% diện tích tự nhiên của huyện. Địa bàn xã có 7 ấp, trong đó: ấp 1, ấp 2, ấp 4, ấp 6 là những ấp sản xuất nông nghiệp; ấp 3, ấp 5, ấp 7 là những ấp tập trung dân cư.

2. Dân số

Dân số toàn xã là 43.657 nhân khẩu (tính đến thời điểm tháng 8 năm 2012, bao gồm cả hộ đăng ký tạm trú trên 6 tháng) trong đó, nữ 24.325 người, chiếm 55,72%; nam 19.332 người, chiếm 44,28%), 9.893 hộ gia đình. Mật độ dân số bình quân 3.403 người/km².

3. Lao động

Xã Đông Thạnh có lực lượng lao động khá dồi dào với 26.292 người, chiếm 60,22 % dân số toàn xã.

Hiện tại xã Đông Thạnh vẫn còn 2.629 (10%) lao động đang trong tình trạng chưa có việc làm ổn định; có 31,9% lao động đã qua đào tạo sơ cấp phục vụ nhu cầu làm việc của các xí nghiệp; 10% lao động có trình độ chuyên môn từ Trung cấp, Cao đẳng và Đại học, còn lại là số lao động chưa qua đào tạo.

Số lượng lao động trong độ tuổi còn đang đi học là 3.200 người, chiếm 12,17% lực lượng lao động của xã.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch

- Chưa có quy hoạch (chỉ có quy hoạch tổng thể của huyện đến năm 2010, trong đó có xã Đông Thạnh).

- Hiện trên địa bàn xã có 03 đồ án tỷ lệ 1/2.000 đã được duyệt là khu dân cư ấp 4, ấp 5, ấp 6 và 2 đồ án đang thực hiện là Khu dân cư tại ấp 5 và ấp 7.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

+ Xã Đông Thạnh có 4 tuyến giao thông chính là tuyến Lê Văn Khương, Đặng Thúc Vịnh, Bùi Công Trưng, Hương lộ 80B, đóng vai trò là 4 tuyến huyết mạch.

+ Hiện trạng hệ thống đường giao thông của xã (đường trục xã, liên xã, đường trục ấp, liên ấp, tổ và đường giao thông nội đồng), gồm:

- Đường trục xã, liên xã: 14,14 km.

- Đường trục ấp, liên ấp: 30,328 km.

- Đường ngõ xóm: 22,585 km.

- Đường giao thông nội đồng của xã cũng là những tuyến trục chính liên xã, ấp kết hợp giao thông nông thôn: 16,145 km.

b) Thủy lợi

- Hệ thống kênh, rạch trên địa bàn xã dài 33,460 km phân bố tại ấp 1, ấp 2, ấp 3 và ấp 4, với 13,385 km đã được đầu tư gia cố đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh; 11,475 km kênh mương đảm bảo nhu cầu sản xuất của nhân dân. Trong đó, kênh Trần Quang Cơ với chiều dài 2.000 m ngày càng bị ô nhiễm do các công ty, xí nghiệp thuộc cụm công nghiệp Tân Thới Hiệp, quận 12 xả nước thải nên nguồn nước không thể phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

c) Điện

- Xã có hệ thống lưới điện được phủ kín trên toàn xã với tổng chiều dài 78 km, trong đó đường dây trung thế 26 km, đường dây hạ thế 52 km; có 113 trạm điện, với công suất 31.283 KVA.

- Tất cả các tuyến đường chính đều có bóng đèn chiếu sáng, 100% hộ dân sử dụng điện trực tiếp từ lưới điện quốc gia. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn trên địa bàn xã đạt 100%.

d) Trường học

Số trường trên địa bàn xã là 6 trường. Trong đó 1 trường Trung học phổ thông, 1 trường Trung học cơ sở, 3 trường Tiểu học và 1 trường Mầm non. Cụ thể:

+ Trường mầm non Sơn Ca: Gồm 1 cơ sở chính và 1 phân hiệu tại ấp 7, trường được đặt tại khu trung tâm hành chính của xã, thuận lợi cho việc đưa đón học sinh của phụ huynh. Tổng diện tích của cơ sở chính và phân hiệu Trường mầm non Sơn Ca là 2.643 m², với 12 phòng học. Tuy nhiên, diện tích khuôn viên và cơ sở vật chất của trường vẫn chưa đạt chuẩn theo quy định.

+ Trường tiểu học: Xã có 3 trường tiểu học (Trường tiểu học Hoàng Hoa Thám, Trường tiểu học Trần Văn Danh và Trường tiểu học Thới Thạnh) với 76 lớp và khoảng 3.536 học sinh, 110 giáo viên, 59 phòng học; trong đó có trường tiểu học Hoàng Hoa Thám năm 2010 xây mới 12 phòng đạt chuẩn; Trường tiểu học Thới Thạnh xây mới 6 phòng học nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu; Trường tiểu học Trần Văn Danh cơ sở vật chất đang xuống cấp, trang thiết bị dạy và học không đáp ứng nhu cầu, diện tích phòng học và sân chơi đều chật hẹp.

+ Trường Trung học cơ sở (THCS): Xã Đông Thạnh có 1 trường THCS Đông Thạnh với 40 lớp, dạy học trên 1.785 học sinh, mỗi lớp học dạy từ 48 - 51 học sinh, có 73 giáo viên, 22 phòng học.

+ Trường trung học phổ thông THPT: 1 trường THPT Nguyễn Hữu Tiến với 32 lớp, 1.375 học sinh, 64 giáo viên, 36 phòng, đáp ứng nhu cầu học sinh tại 02 xã Đông Thạnh và Nhị Bình.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

+ Số nhà văn hóa xã, ấp:

- Xã chưa có trung tâm văn hóa - thể thao, hiện tại xã có 1 khu đất rộng 2,16 ha dùng làm khu vui chơi.

- Tại 7 ấp đều có trụ sở Ban nhân dân ấp, là nơi hoạt động làm việc và hội họp của Ban nhân dân ấp, đoàn thể, chi tổ hội ấp... Tuy nhiên, diện tích mặt bằng ấp nhỏ hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu các hoạt động.

+ Đài truyền thanh xã: Xã có một đài truyền thanh và 16 cụm loa phân bố đều trên 7 ấp, phát thanh 2 buổi/ngày.

e) Chợ

Xã Đông Thạnh có 1 chợ trung tâm với 250 tiểu thương tham gia buôn bán các sản phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho người dân như: thịt, cá, rau củ quả, trái cây, quần áo, đồ gia dụng,... Chợ được đầu tư, nâng cấp sửa chữa trong năm 2009 với diện tích chợ là 2.897,8 m², với khu nhà chợ chính chiếm 793,68 m²; chợ có bãi đỗ xe, khu vực nhà vệ sinh và thu gom rác theo quy định.

g) Bưu điện

Xã có 1 bưu điện phục vụ cơ bản nhu cầu của người dân với diện tích 360 m² và 18 điểm truy cập Internet đang hoạt động, phân bố đều trên 7 ấp.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

Tổng số nhà ở trên địa bàn xã là 9.893 căn, đa số là nhà kiên cố và bán kiên cố. Hiện trên địa bàn xã còn 3 căn nhà tạm.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

- Cơ cấu kinh tế: Đông Thạnh là xã nông thôn ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh, là xã có tốc độ đô thị hóa nhanh, cơ cấu kinh tế hiện nay: “Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp”.

- Thu nhập bình quân đầu người: 17,0 triệu đồng/người/năm (Thu nhập bình quân đầu người của huyện là 18 triệu đồng/người/năm).

- Số lượng hộ nghèo cuối năm 2012 theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm của thành phố là 328/10.004 hộ, chiếm tỷ lệ 3,28% trên tổng số hộ toàn xã.

b) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Số lao động trong độ tuổi là 26.292 người, chiếm 60,22% dân số toàn xã. Trong đó, lao động nông nghiệp là 3.276 người, chiếm 12,46% lực lượng lao động của xã. Cơ cấu lao động đang làm việc theo các ngành Nông nghiệp - Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ theo tỷ lệ tương ứng: 12,46% - 69,31% - 18,89%.

- Lao động phân theo trình độ chuyên môn: 31,9% lao động đã qua đào tạo sơ cấp phục vụ nhu cầu làm việc của các xí nghiệp; 10% lao động có trình độ chuyên môn từ Trung cấp, Cao đẳng và Đại học; còn lại là số lao động chưa qua đào tạo.

c) Hình thức tổ chức sản xuất

- Về nông nghiệp: hiện trên địa bàn xã có 13 tổ hội ngành nghề (trồng rau sạch, nuôi bò sữa, dệt, mảnh sáo trúc, nuôi cá, nuôi heo) và 1 tổ hợp tác sản xuất lúa hoạt động có hiệu quả do Hội Nông dân xã quản lý.

- Về thương mại dịch vụ: có 1 hợp tác xã thương mại dịch vụ Đông Thạnh.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Văn hóa - giáo dục

+ Địa bàn xã được chia làm 7 ấp, trong năm 2012 có 1/7 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa, chiếm tỷ lệ 14,28%; 4/7 ấp đạt tiên tiến chiếm tỷ lệ 57,14% và trên 90% gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa.

+ Phổ cập giáo dục trung học: xã đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học (tỷ lệ 75,56%).

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) trong năm 2010 là 95%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 41,9%.

b) Y tế

+ Xã có 1 trạm y tế với 4 giường bệnh và 8 y, bác sỹ.

+ Bình quân hàng năm số lượt người khám bệnh trên 8.000 lượt người.

c) Môi trường

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 95% hộ dân tại xã đều dùng nước giếng khoan hợp vệ sinh, 5% hộ dân sử dụng nguồn nước máy;

+ Tình hình xử lý chất thải: 80% số hộ có đăng ký thu gom rác dân lập, các hộ còn lại tự tiêu hủy theo hình thức chôn hoặc đốt tại nhà.

+ Nghĩa trang: Trên địa bàn xã có 1 nghĩa trang người Hoa, 1 nghĩa trang nhân dân do huyện quy hoạch nhưng chưa được xây dựng và nhiều nghĩa trang họ tộc, tôn giáo khác.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Hệ thống chính trị

- Có 1 Đảng bộ cơ sở: có 16 chi bộ trực thuộc, với 285 đảng viên. Trong đó 7 chi bộ ấp, 1 chi bộ cơ quan, 1 chi bộ quân sự, 1 chi bộ công an, 1 chi bộ hợp tác xã và 5 chi bộ trường học.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: hoạt động xuất sắc.

- Số lượng hiện có tính đến tháng 12 năm 2012 là 11 cán bộ, 14 công chức, 30 cán bộ không chuyên trách.

b) An ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn

- Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định. Tuy nhiên, do địa bàn xã đang trong quá trình đô thị hóa, dân nhập cư tăng nhanh là nguyên nhân tiềm ẩn những tệ nạn xã hội và tội phạm, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ ĐÔNG THẠNH - HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng xã Đông Thạnh trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, ấp dưới sự lãnh đạo của Đảng; an ninh trật tự xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu cụ thể

* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (NTM) theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: đạt 5/19 tiêu chí (4, 8, 12, 13, 19);

- Năm 2013: phần đầu đạt 9/19 tiêu chí (tăng thêm 4 tiêu chí: 1, 7, 9, 18);
- Năm 2014: phần đầu đạt 14/19 tiêu chí (tăng thêm 5 tiêu chí: 3, 6, 11, 14, 15);
- Năm 2015: phần đầu đạt 19/19 tiêu chí (tăng thêm 5 tiêu chí: 2, 5, 10, 16, 17).

* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, khu dân cư (giúp cho người dân ổn định sản xuất, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn).

- Đến năm 2015 thu nhập bình quân đầu người/năm tăng gấp từ 1,5 đến 1,8 lần so với khi xây dựng đề án (không thấp hơn 37 triệu đồng/người/năm).

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm) đến cuối năm 2015 còn < 2%.

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng: Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp (TTCN) - Thương mại dịch vụ - Nông nghiệp. Cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp (tỷ lệ lao động ở độ tuổi làm việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp) giảm bình quân 3 - 5%/năm. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm (trừ số lao động trong độ tuổi đang đi học tập trung tại các trường Trung học phổ thông, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học theo quy định,...) đạt 90%.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản. Với tuyến xã tới các ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa 100%, trục nối giữa các ấp, tổ trong ấp, liên tổ được đá dăm cứng hóa hoặc nhựa hóa đảm bảo giao thông thuận tiện không lầy lội vào mùa mưa.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với 5/7 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%; tỷ lệ người tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên đạt 50% và tham gia các hoạt động văn nghệ đạt 20%.

- Tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp và cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn; chất thải, nước

thải được thu gom và xử lý theo quy định; nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Nội dung

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT, ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

+ Nguyên tắc đầu tư:

- Ưu tiên đầu tư các đường giao thông liên xã, đường giao thông trục chính kết nối mạng lưới giao thông với quốc lộ, tỉnh lộ hoặc trục đường chính của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự thu hút đầu tư trên địa bàn xã.

- Thực hiện quy mô đầu tư theo Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Trường hợp mặt đường hiện trạng lớn hơn theo quy định của Quyết định số 315/QĐ-BGTVT thì thực hiện đầu tư theo hiện trạng.

+ Nội dung thực hiện:

- Mở rộng nâng cấp đường liên ấp, trục ấp (đá dăm, đường đất, đường đất đỏ) láng nhựa: 19,86 km;

- Nâng cấp đường ngõ xóm cứng hóa, hoặc bê tông xi măng 9,87 km; Thực hiện xã hội hóa vận động nhân dân thực hiện cứng hóa hoặc bê tông hóa theo hiện trạng đảm bảo giao thông, không lầy lội vào mùa mưa.

- Đường giao thông nội đồng cũng là các đường trục xã và trục ấp. Việc nâng cấp các tuyến giao thông nội đồng cũng chính là việc nâng cấp các tuyến đường trục xã và trục ấp.

b) Thủy lợi

+ Mục tiêu: Hệ thống công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh, tuy nhiên để hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh cần nâng cấp và gia cố sửa chữa một số tuyến kênh tưới, kênh tiêu, bờ bao.

+ Nội dung thực hiện: Nâng cao chất lượng, hoàn thiện hệ thống các công trình bờ bao chính và xung yếu trên địa bàn cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

c) Điện

+ Mục tiêu: Duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

+ Nội dung công việc thực hiện:

Đầu tư cải tạo, nâng cấp, lắp mới đường dây trung thế; đường dây hạ thế, trạm biến thế, đèn chiếu sáng công cộng dân lập, cụ thể như sau:

- Hệ thống điện trung thế: lắp mới 2,1 km, cải tạo 1,52 km

- Hệ thống điện hạ thế: lắp mới 3,99 km, cải tạo 0,19 km

- Lắp mới 59 trạm biến thế với 10.620 KVA

- Sửa chữa, nâng cấp 425 bóng và lắp đặt mới 600 bóng đèn chiếu sáng công cộng.

d) Trường học

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

Thực hiện theo Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố về giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2011 (đợt 2) nguồn vốn ngân sách thành phố, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh định hướng đầu tư:

- Nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Hoàng Hoa Thám, gồm 18 phòng học và các khối phụ.

- Nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Đông Thanh, gồm cải tạo 9 phòng học, xây mới 36 phòng học và các khối phụ.

- Xây dựng mới Trường mầm non Sơn Ca.

- Xây dựng mới Trường tiểu học Trần Văn Danh (Thực hiện theo Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2010 của UBND huyện Hóc Môn).

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung công việc thực hiện:

- Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã.

- Nâng cấp và sửa chữa 7 văn phòng áp kết hợp làm tụ điểm sinh hoạt văn hóa (quy mô từ 300 m² - 500 m²).

e) Chợ

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

+ Nội dung thực hiện: Chinh trang, cải tạo chợ đáp ứng nhu cầu mua bán của dân cư nông thôn. Hình thành nơi kinh doanh các mặt hàng chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân.

g) Bưu điện - viễn thông

+ Mục tiêu: Duy trì đạt và nâng cao chất lượng tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

+ Nội dung: Ứng dụng công nghệ thông tin giúp nâng cao năng lực quản lý, theo dõi và giám sát quy trình sản xuất, phân phối, tiếp thị.

h) Nhà ở dân cư

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2013 trên địa bàn xã không còn nhà tạm và đến năm 2015 nhà ở dân cư trên địa bàn xã đạt 100% kiên cố.

+ Nội dung thực hiện:

- Triển khai công tác quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn để làm cơ sở cho việc quản lý xây dựng, khuyến khích phát triển nhà tầng, nhà ở theo dự án đối với những khu vực đã có quy hoạch được duyệt.

- Phát triển nhà ở nông thôn gắn với việc phát triển và nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy hoạch.

- Tập trung ưu tiên việc cải thiện và nâng cao chất lượng chỗ ở của các hộ dân cư nông thôn (sửa chữa, cải tạo, nâng cấp chỗ ở hiện có).

- Gắn kết nhà ở trong mối quan hệ với xây dựng môi trường nông thôn, việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở cần tạo diện mạo mỹ quan, văn minh, sạch đẹp nông thôn.

- Xóa nhà tạm (3 căn); Chỉnh trang, nâng cấp, xây mới nhà ở của người dân đạt chuẩn (625 căn).

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất

a) Chuyên dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

+ Nội dung thực hiện: Hướng dẫn người dân sản xuất sản phẩm mà xã Đông Thạnh có lợi thế để cung cấp cho thị trường:

* Vùng trồng hoa lan, cây kiểng

- Quy mô dự kiến: 10 ha;

- Mô hình điển hình của nông nghiệp sinh thái đô thị, cung cấp sản phẩm nông nghiệp cao cấp cho nhu cầu sinh hoạt, giải trí cho cư dân thành phố

* Vùng sản xuất các loại rau ăn lá, quả an toàn (hướng theo tiêu chuẩn VietGAP)

- Quy mô dự kiến: 50 ha;

- Mô hình cần liên kết nhiều hộ trồng rau trên một địa bàn lại với nhau nhằm góp sức giải quyết đầu vào, đầu ra cho sản phẩm.

* Ứng dụng mô hình công nghệ cao trong chăn nuôi trên địa bàn xã (trồng cỏ cao sản VA06 kết hợp chăn nuôi bò sữa; xử lý chất thải thông qua hầm biogas hay nuôi trùn quế; cải tạo chuồng trại theo hướng công nghiệp - khép kín):

- Quy mô dự kiến: 40 ha;

- Áp dụng thâm canh, với diện tích khoảng 1 ha

* Các mô hình nuôi mới: cá sấu, nuôi heo rừng, nhím,... Dự kiến: 5 ha

b) Tỷ lệ lao động có việc làm

+ Mục tiêu: Duy trì và nâng chất lượng yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện: Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn:

- Vận động đi học, tự học cho khoảng 5.400 người chưa qua đào tạo, tập huấn nghề;

- Giải quyết việc làm cho khoảng 425 lao động/năm;

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho khoảng 400 lao động.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm (trừ số lao động trong độ tuổi đang đi học tập trung tại các trường Trung học phổ thông, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học theo quy định,...) đạt 90%.

c) Giảm nghèo và an sinh xã hội

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

+ Nội dung thực hiện:

- Tiếp tục triển khai chương trình giảm nghèo giai đoạn 3 của thành phố đạt thu nhập trên 12 triệu/người/năm vào năm 2015 và giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí 2 USD/người/ngày xuống còn < 2% đến cuối năm 2015.

- Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

d) Các hình thức tổ chức cần phát triển

+ Mục tiêu: Thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác (THT), hợp tác xã (HTX) trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn tại xã; nâng cao đóng góp của kinh tế tập thể vào tăng trưởng kinh tế tại xã, xóa đói giảm nghèo một cách bền vững, tạo thêm việc làm mới và bảo vệ môi trường.

+ Nội dung thực hiện:

- Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

- Bồi dưỡng, đào tạo các chức danh tổ trưởng tổ hợp tác, chủ nhiệm, Ban quản trị phải được nâng cao về năng lực quản lý.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính, máy in).

- Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế THT, HTX.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Giáo dục

+ Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Ban quản lý xây dựng nông thôn xã phối hợp với các đoàn thể nắm chắc các trường hợp trẻ em bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường đều được học tập.

- Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm chủ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã. Bên cạnh việc đào tạo theo trường lớp cần mở rộng hình thức trao đổi, đối thoại, giao lưu giữa các tổ ngành nghề với doanh nghiệp.

b) Y tế

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

+ Nội dung thực hiện: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực y tế, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015 tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 70%.

- Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã.

- Bổ sung trang thiết bị tại trạm y tế nhằm đảm bảo việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đi đôi với công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng dân cư đạt kết quả tốt.

- Kịp thời đáp ứng việc khám và chữa bệnh thông thường, chăm sóc sức khỏe trẻ em, sức khỏe sinh sản và tổ chức sơ cấp cứu bệnh nhân nặng trước khi chuyển lên tuyến trên.

- Xây dựng mới trạm y tế xã.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đạt tiêu chí 16 Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Xây dựng quy ước hoạt động của tổ nhân dân, khu dân cư về nếp sống văn hóa nông thôn, tập trung vào việc cưới, tang, chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Triển khai từng bước nâng cao chất lượng các phong trào gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

- Thí điểm xã hội hóa các tụ điểm thể dục thể thao, tụ điểm văn hóa tại các ấp trên cơ sở chọn lọc những loại hình phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông tin địa phương.

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

+ Nội dung thực hiện:

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng, chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn). Định kỳ 6 tháng (thông qua thực hiện phiếu khảo sát hộ) đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã.

- Phối hợp Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn kiểm tra đánh giá chất lượng nguồn nước giếng sinh hoạt của người dân để có kế hoạch điều chỉnh, khuyến cáo.

- Ủy ban nhân dân xã khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; phạt hành chính hay đề xuất huyện ra quyết định đóng cửa cơ sở hay tổ chức sản xuất - kinh doanh vi phạm về môi trường.

- Xây dựng mô hình mẫu về tổ, ấp có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Vận động triển khai tổ chức “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp” kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên qui mô xã.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai và thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã;

- Bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội

+ Mục tiêu: Duy trì đạt và nâng cao chất lượng tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước các tổ chức tự quản về an ninh, trật tự, phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu.

- Đề xuất điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, ấp, tổ hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đúng quy định của pháp luật, không để tình trạng khiếu kiện phức tạp đông người xảy ra.

- Quan tâm đến việc đãi ngộ cho lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách và tự nguyện để thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn xã.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, dự kiến: 872.642 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 773.182 triệu đồng (chiếm 88,6%).
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 99.460 triệu đồng (chiếm 11,4%).

B. Nguồn vốn:

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 643.629 triệu đồng, chiếm 73,8%; trong đó:
 - + Vốn Nông thôn mới: 240.853 triệu đồng, chiếm 27,6%.
 - + Vốn lồng ghép: 402.776 triệu đồng, chiếm 44,4%; chia ra:
 - * Vốn ngân sách tập trung: 387.225 triệu đồng (đã có chủ trương và Quyết định đầu tư của cấp thẩm quyền);
 - * Vốn phân cấp huyện: 8.218 triệu đồng;
 - * Vốn sự nghiệp: 7.333 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).
2. Vốn cộng đồng đóng góp: 191.351 triệu đồng, chiếm 21,9%; trong đó:
 - + Vốn dân: 135.925 triệu đồng;
 - + Vốn doanh nghiệp: 55.426 triệu đồng;
3. Vốn vay tín dụng: 37.662 triệu đồng, chiếm 4,3%
 - * Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.
2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.
3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế đặc thù về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và Thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Hóc Môn và xã Đông Thạnh; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2012 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Đông Thạnh.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Đông Thạnh.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện;

chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3211/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 5262/TTr-SCT ngày 12 tháng 6 năm 2013 và của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này: 01 thủ tục hành chính mới ban hành; 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (chi tiết tên, nội dung thủ tục hành chính có phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TP.HCM**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2013
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

I. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính
a. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác	
1	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (cấp mới, cấp lại) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

II. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính
a. Lĩnh vực Phát triển Công nghiệp, Thương mại địa phương	
1	Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất rượu (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)
2	Thủ tục Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Phần II**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****I. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh****a. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác****1. Thủ tục Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (cấp mới, cấp lại) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh****- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, đóng gói, kinh doanh sản phẩm: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ theo quy định và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

° Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận, Sở Công Thương sẽ kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương sẽ thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn chỉnh hồ sơ.

° Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Sở Công Thương sẽ tổ chức thẩm định nội dung hồ sơ quảng cáo sản phẩm của cơ sở và thông báo kết quả thẩm định bằng văn bản.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

❖ Đối với trường hợp đăng ký lần đầu (Khoản 1, Điều 8 - Thông tư số 40/2012/TT-BCT):

- Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (Phụ lục I - Thông tư số 40/2012/TT-BCT);

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp của cơ sở sản xuất kinh doanh;

- Bản sao có chứng thực thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy (đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật được ban hành và có hiệu lực) hoặc công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng được ban hành và có hiệu lực);

- Tài liệu khoa học chứng minh tính chất, công dụng của sản phẩm đúng như nội dung đăng ký quảng cáo;

- Bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết...);

- Giấy ủy quyền quảng cáo hoặc hợp đồng thuê dịch vụ quảng cáo đối với trường hợp đăng ký xác nhận quảng cáo bởi người kinh doanh dịch vụ quảng cáo.

❖ Đối với trường hợp đăng ký lại (Khoản 2, Điều 8 Thông tư số 40/2012/TT-BCT):

- Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (Phụ lục II - Thông tư số 40/2012/TT-BCT);

- Bản thuyết minh kèm theo các tài liệu sửa đổi, bổ sung liên quan đến nội dung quảng cáo thực phẩm đã thay đổi;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền;

- Văn bản dự thảo nội dung dự kiến quảng cáo (video clip, hình ảnh, phóng sự, bài viết...).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- Thời hạn giải quyết:

▪ Trường hợp cấp mới hoặc cấp lại do giấy cũ sắp hết hạn: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Khoản 2, Điều 9 - Thông tư số 40/2012/TT-BCT);

▪ Trường hợp cấp lại do giấy cũ mất hoặc hư hỏng: 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Khoản 1, Điều 10 - Thông tư số 40/2012/TT-BCT).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận.

- Lệ phí: Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

▪ Giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (Phụ lục I - Thông tư số 40/2012/TT-BCT);

▪ Giấy đề nghị xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm (Phụ lục II - Thông tư số 40/2012/TT-BCT).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Điều kiện để được xác nhận nội dung quảng cáo (*Điều 3 Thông tư số 40/2012/TT-BCT*)

(1) Cơ sở có hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

(2) Sản phẩm thực phẩm không thuộc danh mục những sản phẩm, hàng hóa bị cấm quảng cáo theo quy định của pháp luật hiện hành.

(3) Sản phẩm thực phẩm của cơ sở đáp ứng quy định về điều kiện an toàn thực phẩm hoặc sản phẩm của cơ sở/quốc gia có tên trong danh sách được cơ quan thẩm quyền Việt Nam công nhận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

(4) Nội dung quảng cáo phải chính xác, đúng với chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm như đã công bố và đăng ký.

+ Toàn bộ tài liệu có trong thành phần hồ sơ phải có dấu của cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (*Khoản 3, Điều 8 - Thông tư số 40/2012/TT-BCT*).

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2011;
- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;
- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 40/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 29/2012/TT-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2012/TT-BCT
ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tên tổ chức/cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số điện thoại:

Số fax:

Email:

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM

(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lần đầu)

Số: /20...../

Kính gửi: (Cơ quan xác nhận nội dung quảng cáo)

Căn cứ Thông tư số: /2012/TT-BCT ngày tháng năm 2012 của Bộ Công Thương và để đáp ứng nhu cầu quảng cáo thực phẩm của ... (tên cơ sở); đề nghị ... (tên cơ quan xác nhận nội dung quảng cáo) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm cụ thể như sau:

1. Thông tin liên quan đến sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo
1					
2					

2. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:

.....

.....

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2012/TT-BCT
ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tên tổ chức/cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số điện thoại:

Số fax:

Email:

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM

(Áp dụng đối với trường hợp đăng ký lại)

Số: /20...../

Kính gửi: (Cơ quan xác nhận nội dung quảng cáo)

Ngày tháng năm, (tên cơ sở) đã được (tên cơ quan có thẩm quyền) xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm (số); tuy nhiên, ... (lý do đăng ký lại); đề nghị (Cơ quan xác nhận nội dung quảng cáo) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm, cụ thể như sau:

1. Thông tin liên quan đến sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nội dung quảng cáo	Phương tiện quảng cáo (tên báo/ đài truyền hình ...)	Thời gian dự kiến quảng cáo
1					
2					

2. Các hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định:

.....
.....

Tôi xin cam đoan các thông tin và hồ sơ nêu trên là đúng sự thật và cam kết thực hiện quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo đúng nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

II. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

a. Lĩnh vực Phát triển công nghiệp, thương mại địa phương

1. Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Tổ nhận, trả hồ sơ - Sở Công Thương, số 163 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3:

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổ nhận, trả hồ sơ;

- Đối với chuyên viên nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ nếu hợp lệ theo quy định, chuyên viên sẽ nhận hồ sơ và cấp biên nhận có hạn ngày trở lại nhận kết quả. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên sẽ hướng dẫn doanh nghiệp hoàn chỉnh lại hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Biên nhận hồ sơ, doanh nghiệp đến nhận kết quả giải quyết hồ sơ.

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- *Thành phần, số lượng hồ sơ (sửa đổi, bổ sung):*

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

❖ **Trường hợp cấp mới:** (theo Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 39/2012/TT-BCT)

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (Phụ lục 1 - Thông tư số 39/2012/TT-BCT);

2. Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có đăng ký ngành nghề kinh doanh sản xuất rượu hoặc đồ uống có cồn theo quy định và phù hợp với quy trình sản xuất) và Giấy chứng nhận mã số thuế;

3. Bản thuyết minh về quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính như nấu, lên men, chưng cất, pha chế, chiết rót... phù hợp với các

công đoạn và quy mô sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng men rượu, hàm lượng đường, nồng độ cồn...);

4. Bảng kê diện tích, sơ đồ nhà xưởng, kho tàng, văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ;

5. Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn phù hợp và có giá trị, hợp đồng lao động với người lao động kỹ thuật ở các vị trí chủ chốt; bản cam kết của chủ sử dụng lao động về cán bộ, công nhân viên sản xuất trong nhà máy đủ sức khỏe để sản xuất sản phẩm thực phẩm, không mắc bệnh truyền nhiễm;

6. Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

7. Liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà doanh nghiệp dự kiến sản xuất;

8. Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

9. Đối với Dự án mới bắt đầu xây dựng: Trước khi sản phẩm rượu được đưa ra thị trường, doanh nghiệp xin cấp giấy phép sản xuất rượu sẽ phải nộp bổ sung các giấy tờ sau: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

❖ **Trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung:** (Khoản 2, Điều 14 - Thông tư số 39/2012/TT-BCT)

1. Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (Phụ lục 3 - Thông tư số 39/2012/TT-BCT);
2. Bản sao Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp;
3. Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

❖ **Trường hợp cấp lại:** (Khoản 1 và Khoản 2, Điều 15 Thông tư số 39/2012/TT-BCT).

○ *Cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:* Tổ chức phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ cấp lại được thực hiện như trường hợp cấp mới.

○ *Cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy:*

1. Đơn đề nghị cấp lại (Phụ lục 2 - Thông tư số 39/2012/TT-BCT);

2. Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ) một bộ gửi Sở Công Thương, một bộ lưu tại doanh nghiệp.

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp cấp mới (*Phần Sản xuất rượu, Khoản 4, Điều 9 - Nghị định số 94/2012/NĐ-CP*): Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung.

+ Trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung và cấp lại (*Khoản 3 - Điều 14, 15 Thông tư số 39/2012/TT-BCT*): Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép

- Lệ phí: (Điều 2 - Thông tư số 77/2012/TT-BTC).

° Lệ phí Giấy phép: 200.000 đồng/trường hợp

° Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/trường hợp

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (Phụ lục 1 - Thông tư số 39/2012/TT-BCT);

b) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (Phụ lục 2 - Thông tư số 39/2012/TT-BCT);

c) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (Phụ lục 3 - Thông tư số 39/2012/TT-BCT)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: (Khoản 2, Điều 8 - Nghị định số 94/2012/NĐ-CP): Sản xuất rượu công nghiệp phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát được phê duyệt.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 1

(Kèm theo Thông tư số 39/2012/TT-BCT
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU CÔNG NGHIỆP

Kính gửi: (1)

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị (1) xem xét cấp Giấy phép sản xuất các loại rượu:..... (2)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu..... (3)

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012, các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định khác liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

(Kèm theo Thông tư số 39/2012/TT-BCT
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương)

**TÊN DOANH
NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... ngày..... tháng..... năm.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp số..... do⁽¹⁾cấp ngày.....tháng.....năm...

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu, với lý do cụ thể như sau⁽²⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất các loại rượu:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....⁽⁴⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012, các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định khác liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3

(Kèm theo Thông tư số 39/2012/TT-BCT
ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã được cấp số..... do⁽¹⁾ cấp ngày..... tháng..... năm...

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung (hoặc cấp lại) Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu, với lý do cụ thể như sau⁽²⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung)(*) Giấy phép sản xuất các loại rượu:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....⁽⁴⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012, các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định khác liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

2. Thủ tục Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại tổ nhận, trả hồ sơ - Sở Công Thương - số 163 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3:

▪ Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

▪ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổ nhận, trả hồ sơ;

▪ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ nếu hợp lệ theo quy định, chuyên viên sẽ nhận hồ sơ và cấp biên nhận có hạn ngày trở lại nhận kết quả. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên sẽ hướng dẫn doanh nghiệp hoàn chỉnh lại hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên Biên nhận hồ sơ, doanh nghiệp đến nhận kết quả giải quyết hồ sơ.

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- **Thành phần, số lượng hồ sơ (sửa đổi, bổ sung):**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm: (Điều 10 - Thông tư số 39/2012/TT-BCT).

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (Phụ lục 29 - Thông tư số 39/2012/TT-BCT);

2. Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu) và Giấy chứng nhận mã số thuế;

3. Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

a. Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh rượu;

b. Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

c. Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh rượu (để đảm bảo khu vực kinh doanh luôn thoáng, mát và tránh được mặt trời chiếu trực tiếp vào sản phẩm rượu);

d. Bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều

kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật đối với địa điểm kinh doanh;

4. Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm trước đó, kèm theo bảng kê chi tiết danh sách và bản sao hợp lệ các hợp đồng mua bán với mỗi tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác, các khoản thuế đã nộp;

b. Hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống phân phối

5. Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu) và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (nếu đã kinh doanh) của các doanh nghiệp đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm rượu trên địa bàn từ 06 tỉnh trở lên (tại địa bàn mỗi tỉnh phải có từ 03 doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu trở lên);

6. Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác (trong đó ghi rõ địa bàn, loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh);

7. Bản sao Giấy chứng nhận công bố hợp quy hoặc Giấy chứng nhận tiêu chuẩn các loại sản phẩm rượu của doanh nghiệp dự kiến kinh doanh;

8. Hồ sơ về phương tiện vận chuyên, bao gồm: bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận chuyên (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm); tối thiểu phải có 03 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên; đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyên;

9. Hồ sơ về năng lực tài chính: có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng tối thiểu 01 tỷ Việt Nam đồng trở lên);

10. Hồ sơ về kho hàng bao gồm:

a. Tài liệu chứng minh quyền sử dụng kho (là sở hữu, đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm); tối thiểu tổng diện tích phải từ 50 m² trở lên hoặc khối tích phải từ 150 m³ trở lên; đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

b. Bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật đối với kho hàng;

11. Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ) một bộ gửi Sở Công Thương, một bộ lưu tại doanh nghiệp

- **Thời hạn giải quyết** (Phần Kinh doanh rượu, Khoản 5 Điều 18 - Nghị định số 94/2012/NĐ-CP): 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép

- **Lệ phí:** (sửa đổi, bổ sung theo Điều 2 - Thông tư số 77/2012/TT-BTC).

▪ Lệ phí Giấy phép: 200.000 đồng/trường hợp

▪ Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/trường hợp

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (Phụ lục 29 - Thông tư số 39/2012/TT-BCT)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

▪ Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

▪ Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 29*(Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN BUÔN SẢN PHẨM RƯỢU**Kính gửi: Sở Công Thương⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Sở Công Thương⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu, cụ thể:**1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm rượu, như sau:**a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:.....⁽³⁾Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:.....⁽³⁾b) Được phép tổ chức hệ thống bán buôn sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố⁽¹⁾**2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:**.....⁽⁴⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp dự định xin phép để kinh doanh.
- (2): Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối rượu.
- (4): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng